

Klg: P. ĐBCL & KHCN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG
VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V
Số 1895/QĐ-CDGTVTTW V

129

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định Hệ thống bảo đảm chất lượng
Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CDGTVTTW V ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ thông tư số 28/2017/BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Khoa học công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

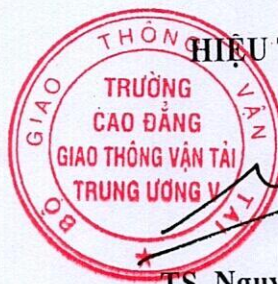
Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Khoa học công nghệ, Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ưu?*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Trường;
- Lưu: VT, ĐBCL & KHCN. *idk*



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Tươi
TS. Nguyễn Văn Tươi



QUY ĐỊNH
HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V
(Ban hành theo Quyết định số 195/QĐ-CDGTVTW V ngày 29 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về nguyên tắc, yêu cầu, quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V.

2. Quy định này được áp dụng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V (dưới đây được gọi chung là Nhà trường).

Điều 2. Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn.

2. Nhấn mạnh vai trò của các viên chức quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của Nhà trường và lấy người học làm trung tâm.

3. Huy động sự tham gia của tất cả viên chức, người lao động và người học.

4. Tiếp cận theo quá trình, bảo đảm tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

5. Phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và bảo đảm khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1) *Hệ thống bảo đảm chất lượng trong Nhà trường* là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của Nhà trường nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

2) *Chính sách chất lượng* là định hướng chung có liên quan đến chất lượng. Chính sách chất lượng thống nhất với chính sách chung của Nhà trường và là cơ sở để xác định các mục tiêu chất lượng.

3) *Mục tiêu chất lượng* là mong muốn cụ thể của Nhà trường có liên quan đến chất lượng, được xây dựng trên cơ sở chính sách chất lượng và được quy định cho các đơn vị trực thuộc Nhà trường để thực hiện.

4) *Hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng* gồm chính sách chất lượng, sổ tay chất lượng, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng đối với từng nội dung trong các lĩnh vực quản lý.

5) *Quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng* là cách thức để tiến hành một hoạt động cụ thể, trong đó nêu rõ trình tự, phương pháp và các yêu cầu nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng đã đề ra.

6) *Sổ tay bảo đảm chất lượng* là tài liệu cung cấp thông tin về hệ thống bảo đảm chất lượng cho viên chức, người lao động và các bên liên quan.

7) *Đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng Nhà trường* là quá trình Nhà trường thu thập, xử lý thông tin, đánh giá hiệu quả vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

8) *Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp* là quá trình Nhà trường đánh giá để xác định mức độ Nhà trường hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II
HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Mục 1
XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN
HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Điều 4. Quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Công tác chuẩn bị.
2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.
3. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.
4. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.
5. Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

Điều 5. Thực hiện công tác chuẩn bị xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Hoàn thiện tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng theo quy định tại Điều 6 Quy định này.
2. Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của Nhà trường.
3. Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.
4. Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho viên chức, người lao động.

Điều 6. Tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng

1. Hiệu trưởng phân công đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của Nhà trường cho Phòng Đảm bảo chất lượng và Khoa học công nghệ.
2. Nhiệm vụ của Phòng Đảm bảo chất lượng và Khoa học công nghệ. (sau đây gọi chung là Phòng ĐBCL&KHCVN).
 - a. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc trường lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và trình Hiệu trưởng phê duyệt;
 - b. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng;
 - c. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng;
 - d. Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Điều 7. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng

1. Xây dựng chính sách chất lượng

- a. Phòng ĐBCL&KHCVN chủ trì tổ chức xây dựng chính sách chất lượng của Nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- b. Chính sách chất lượng của Nhà trường bảo đảm các yêu cầu sau

+ Phù hợp với chính sách phát triển chung của Nhà trường trong từng giai đoạn cụ thể và các quy định liên quan khác;

+ Cụ thể hóa chủ trương và định hướng chung của Nhà trường trong việc thực hiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

+ Được lấy ý kiến đội ngũ viên chức, người lao động, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

+ Được trình bày cô đọng, rõ ràng, dễ hiểu;

+ Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của Nhà trường và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan.

2. Xây dựng mục tiêu chất lượng

a. Phòng ĐBCL&KHCN chủ trì tổ chức xây dựng mục tiêu chất lượng của Nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b. Mục tiêu chất lượng của Nhà trường bảo đảm các yêu cầu sau

+ Được xác định phù hợp với chính sách chất lượng;

+ Được xác định theo thứ tự ưu tiên nhằm cụ thể hóa chính sách chất lượng theo từng giai đoạn cụ thể;

+ Được lấy ý kiến đội ngũ viên chức, người lao động, đại diện các tổ chức đoàn thể, người học và các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

+ Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của Nhà trường và sự thay đổi của các định hướng chiến lược hay các quy định khác có liên quan;

+ Được trình bày cô đọng, rõ ràng, dễ hiểu, thuận tiện đánh giá.

c. Mục tiêu chất lượng của các đơn vị thuộc Nhà trường bảo đảm yêu cầu tại điểm b khoản 2 Điều này và phù hợp với chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng của Nhà trường đề ra.

3. Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng

a. Phòng ĐBCL&KHCN xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo quy định này trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b. Sổ tay bảo đảm chất lượng bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Phản ánh trung thực, chính xác các quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng trong Nhà trường;

+ Được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tế phát triển của Nhà trường và sự thay đổi định hướng chiến lược hay quy định khác có liên quan.

(Mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo quy định này)

4. Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng

a. Phòng ĐBCL&KHCN chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng theo cách thức sau:

+ Xác định lĩnh vực quản lý chất lượng trên cơ sở các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành. Tùy theo điều kiện, đặc thù của Nhà trường có thể xác định các lĩnh vực quản lý chất lượng khác nếu cần thiết;

+ Căn cứ các lĩnh vực quản lý chất lượng đã được Nhà trường xác định, nghiên cứu, xây dựng các nội dung cụ thể của từng lĩnh vực quản lý chất lượng.

b. Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cho từng nội dung cụ thể của các lĩnh vực quản lý chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Các hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng, bao gồm: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại giảng viên, cán bộ quản lý; sử dụng,

bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

Điều 8. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

1. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng gồm cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và hạ tầng thông tin

a. Cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng là: thông tin đầu vào của từng quy trình bảo đảm chất lượng hoặc từng bước thuộc một quy trình; thông tin đầu ra của từng quy trình bảo đảm chất lượng hoặc từng bước thuộc một quy trình và các thông tin liên quan đến hệ thống bảo đảm chất lượng;

b. Hạ tầng thông tin bao gồm máy móc, thiết bị, phần mềm và công nghệ phục vụ việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

2. Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng

a. Cơ sở dữ liệu mở, có khả năng mở rộng, cập nhật khi cần thiết;

b. Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin phục vụ quản lý của Nhà trường và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng;

c. Ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối với hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp;

d. Phân quyền truy cập hệ thống theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra quyết định quản lý, điều hành các hoạt động bảo đảm chất lượng.

3. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được định kỳ rà soát, nâng cấp.

4. Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế, quy định quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

Điều 9. Phê duyệt, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong Nhà trường;

2. Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể viên chức, người lao động và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện.

Điều 10. Đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống bảo đảm chất lượng

a. Xây dựng kế hoạch;

b. Thực hiện đánh giá hệ thống;

c. Phê duyệt báo cáo, công bố và lưu trữ.

2. Xây dựng kế hoạch

a. Hằng năm, Phòng ĐBCL&KHCN xây dựng kế hoạch đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng Nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Kế hoạch thể hiện đơn vị được đánh giá, nội dung và thời gian thực hiện đánh giá.

b. Căn cứ kế hoạch đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng Nhà trường đã được phê duyệt, các đơn vị thuộc trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện.

3. Yêu cầu trong đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng

a. Bảo đảm trung thực, khách quan, đầy đủ thông tin, minh chứng hợp lệ;

b. Đánh giá các nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng của các đơn vị và của Nhà trường;

c. Huy động sự tham gia của cán bộ, giảng viên, nhân viên, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc;

d. Kết quả đánh giá công tác bảo đảm chất lượng từng đơn vị và kết quả đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng Nhà trường được công bố công khai cho các đối tượng liên quan biết;

e. Toàn bộ minh chứng, tài liệu phục vụ đánh giá được lưu trữ theo quy định (bản giấy kèm dữ liệu dưới dạng .jpg/gif/pdf).

4. Thực hiện đánh giá, viết báo cáo

a. Đánh giá cấp đơn vị thuộc trường

① Đơn vị thuộc trường thực hiện đánh giá các nội dung sau:

Sự phù hợp và kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng của đơn vị theo điểm c khoản 2 Điều 7 của quy định này.

Thực hiện quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng tại đơn vị.

② Đơn vị thuộc trường đánh giá viết báo cáo đánh giá công tác bảo đảm chất lượng gửi Phòng ĐBCL&KHCN để tổng hợp, báo cáo.

b. Đánh giá cấp toàn trường

Phòng ĐBCL&KHCN chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc trường thực hiện đánh giá các nội dung sau:

① Sự phù hợp và kết quả vận hành các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đánh giá và quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng liên quan đã được ban hành.

② Sự phù hợp của chính sách chất lượng Nhà trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của quy định này.

③ Sự phù hợp và kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng Nhà trường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của quy định này.

④ Sự phù hợp và kết quả vận hành các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng của các lĩnh vực quản lý chất lượng của Nhà trường.

⑤ Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

c. Căn cứ vào báo cáo công tác bảo đảm chất lượng cấp đơn vị và kết quả đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp toàn trường, Phòng ĐBCL&KHCN thực hiện các nội dung sau:

❶ Viết báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp toàn trường đối với từng lĩnh vực quản lý chất lượng, từng đợt đánh giá hoặc toàn bộ hệ thống khi thấy cần thiết.

❷ Phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức lấy các ý kiến được thu thập từ các đơn vị thuộc trường, viên chức, người lao động, đại diện người học và đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể của Nhà trường đối với các nội dung đánh giá có liên quan.

❸ Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp toàn trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

d. Phòng ĐBCL&KHCN thường xuyên theo dõi, kiểm tra kế hoạch đánh giá công tác bảo đảm chất lượng của các đơn vị, phát hiện kịp thời các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng cần khắc phục, báo cáo Hiệu trưởng và đề xuất thực hiện đánh giá độc lập trong trường hợp cần thiết.

5. Phê duyệt, công khai kết quả đánh giá

a. Phòng ĐBCL&KHCN tổ chức công bố công khai báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp toàn trường trong nội bộ Nhà trường thời hạn 30 ngày làm việc.

b. Báo cáo bảo đảm chất lượng của các đơn vị, báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng cấp toàn trường và toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan được lưu trữ theo quy định (cấp đơn vị lưu trữ minh chứng tại đơn vị mình, cấp toàn trường do Phòng ĐBCL&KHCN lưu trữ cùng tất cả các báo cáo).

Điều 11. Thực hiện cải tiến

1. Căn cứ các báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng và các báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường, Phòng ĐBCL&KHCN tổng hợp, phân tích, đề xuất kế hoạch cải tiến.

2. Phòng ĐBCL&KHCN tổ chức lấy ý kiến về kế hoạch cải tiến của các đơn vị, đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc; tổng hợp và hoàn thiện kế hoạch cải tiến, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Các đơn vị thuộc trường thực hiện kế hoạch cải tiến đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 12. Thực hiện chế độ báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền

1. Phòng ĐBCL&KHCN căn cứ kết quả xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường, viết báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt. (Mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo quy định này)

2) Cập nhật vào cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; Gửi báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường cho cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có); Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp) và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Đà Nẵng chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Mục 2

TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 13. Nội dung và chu kỳ tự đánh giá chất lượng

1. Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thực hiện bắt buộc đối với Nhà trường và định kỳ mỗi năm 01 lần.

2. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ trung cấp và cao đẳng được thực hiện định kỳ mỗi năm 01 lần đối với chương trình đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, khu vực, quốc tế; chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điều 14. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng

1. Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động và chương trình đào tạo của Nhà trường.
2. Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan trong Nhà trường.
3. Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
4. Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
5. Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

Điều 15. Quy trình tự đánh giá chất lượng

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng

1. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có chức năng giúp Hiệu trưởng thực hiện việc tự đánh giá chất lượng Nhà trường và chương trình đào tạo các cấp trình độ. Hội đồng tự đánh giá chất lượng do Hiệu trưởng quyết định thành lập, số lượng thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng là số lẻ, có ít nhất 11 thành viên;

2. Đối với tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng riêng cho từng chương trình đào tạo; số lượng thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng là số lẻ; có ít nhất 07 thành viên thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 4 Điều này;

3. Thành phần Hội đồng tự đánh giá chất lượng, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), Thư ký và các thành viên khác.

a. Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng là Hiệu trưởng.

b. Phó Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng là Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác kiểm định chất lượng, bảo đảm chất lượng. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (nếu có), Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Đào tạo.

c. Thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng là Trưởng phòng ĐBCL&KH-CN. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (nếu có), Thư ký là đại diện của Phòng Đào tạo.

d. Các thành viên khác của Hội đồng tự đánh giá chất lượng là đại diện lãnh đạo các đơn vị, cán bộ, nhà giáo có uy tín, đại diện các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường, chuyên gia có kinh nghiệm, uy tín và có ít nhất 02 đại diện doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có tiếp nhận học sinh, sinh viên đến thực tập, thực hành, làm việc.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng

- a. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng.
- b. Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.;
- c. Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Nhà trường.

Điều 17. Thực hiện tự đánh giá chất lượng

1. Phân công đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng

- a. Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Phòng ĐBCL&KHCHN.
- b. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo: Phòng Đào tạo hoặc Phòng ĐBCL&KHCHN.

2. Các nội dung tự đánh giá chất lượng, bao gồm:

- a. Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- b. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- c. Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quy định này.
- d. Lấy ý kiến các đơn vị thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

Điều 18. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng

1. Hội đồng tự đánh giá chất lượng tiến hành nghiên cứu, họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng.

Nội dung báo cáo tự đánh giá chất lượng phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhất trí thông qua.

2. Trên cơ sở kết quả thông qua của Hội đồng tự đánh giá chất lượng, Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

Điều 19. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi báo cáo tự đánh giá chất lượng được phê duyệt, Hiệu trưởng triệu tập cuộc họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng trong Nhà trường. Thành phần dự họp gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng, trưởng các đơn vị thuộc trường, đại diện người học và đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Nhà trường.

2. Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng cho cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có), Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Đà Nẵng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 kèm theo quy định này và cập nhật vào cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo cải cách hành chính

Chỉ đạo việc xây dựng, vận hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

Điều 21. Trách nhiệm của Phòng Đảm bảo chất lượng và Khoa học công nghệ

1. Giúp việc cho Ban chỉ đạo cải cách hành chính
2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc trường lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và trình Hiệu trưởng phê duyệt.
3. Đơn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng.
4. Ghi nhận các hoạt động đánh giá nội bộ, đánh giá ngoài và ghi biên bản các buổi họp trong quá trình xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống.
5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
6. Phối hợp với tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống bảo đảm chất lượng khi đủ điều kiện.
7. Lưu trữ, sắp xếp tất cả các hồ sơ liên quan về hệ thống bảo đảm chất lượng.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc trường

- 1) Phổ biến cho viên chức, người lao động đơn vị các nội dung liên quan đến quy định này.
- 2) Phân công một viên chức đơn vị phụ trách kiểm soát chất lượng nội bộ.
- 3) Chủ trì xây dựng các quá trình, quy trình và các công cụ bảo đảm chất lượng phù hợp với chức năng nhiệm vụ tại đơn vị.
- 4) Lưu trữ, sắp xếp các tài liệu, hồ sơ và minh chứng liên quan đến các hoạt động tại đơn vị.
- 5) Bảo đảm các quá trình, quy trình và các công cụ trong đơn vị được triển khai, đánh giá và cải tiến liên tục nâng cao hiệu quả.
- 6) Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp nhằm hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đơn vị mình.

Điều 23. Kinh phí hoạt động

Phòng Đảm bảo chất lượng và Khoa học công nghệ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán tham mưu và đề xuất cho Hiệu trưởng về kinh phí hoạt động trong quá trình xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

- 1) Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.
- 2) Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh trực tiếp về Phòng ĐBCL&KHCVN để kịp thời xem xét giải quyết. /.

(Trang bìa)

(Logo Nhà trường)	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V Địa chỉ: 28 Ngô Xuân Thu, P.Hoà Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3842266 Email: cdgtvtw5@caodanggtvtw5.edu.vn Fax: (0236) 3842086 Website : http://caodanggtvtw5.edu.vn
SỔ TAY BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG Ban hành lần:..... Hiệu lực từ ngày:.....	

(Phần nội dung chính)

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang/Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

III. QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH VÀ MÔ TẢ MỐI LIÊN HỆ (xác định lĩnh vực quản lý chất lượng, nội dung của các lĩnh vực quản lý chất lượng và vẽ sơ đồ mối liên hệ giữa các lĩnh vực/nội dung của các lĩnh vực quản lý chất lượng)

IV. DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI LIỆU

STT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ ÁP DỤNG						
			(đánh dấu x vào những đơn vị có liên quan)						
			Phòng ...	Phòng ...	Phòng ...	Phòng.. .	Khoa. ..	Khoa ...	
1	Sổ tay chất lượng	STCL							
2	Chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng	CSCL-MTCL.01							
3	Quy trình, công cụ Xây dựng chương trình đào tạo	QT.01							
									
									

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Quy định số 18/QĐ-CDGTVTW V ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG
VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CDGTVTW V

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 20....

**BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
NĂM**

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

I. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Nhà trường

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng (ghi rõ tên đơn vị, số lượng cán bộ, nhiệm vụ, điện thoại, địa chỉ mail...)

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

c) Chính sách chất lượng của Nhà trường

-
-

d) Mục tiêu chất lượng của Nhà trường

-
-

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

-
-

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng (giới thiệu đơn vị chủ trì công tác; tóm tắt thực trạng hạ tầng thông tin của Nhà trường)

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá

a1) Tổng số đợt đánh giá

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành		
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa		
Số lượng nội dung được bổ sung		
Số lượng nội dung loại bỏ		

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành		
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa		
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung		
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ		

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm

3.2. Tồn tại, hạn chế

3.3. Nguyên nhân

3.4. Đề xuất (Nhà trường nêu ra các đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các cấp trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp) *lưu*

Nơi nhận:

- TCGDNN;
- Sở LĐTĐ Tp Đà Nẵng
- Bộ GTVT;
- Lưu: VT, ĐBCL&KHCH

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Quy định số 185/QĐ-CDGTVTTH V ngày 29 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

(Trang bìa)

(Logo Nhà trường)	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM	
Đà Nẵng, tháng.....năm....	

(Phần nội dung chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

CÁC TỪ VIẾT TẮT

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG

- 1 Thông tin chung về Nhà trường
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề
2. Tổng quan chung
 - 2.1. Căn cứ tự đánh giá
 - 2.2. Mục đích tự đánh giá
 - 2.3. Yêu cầu tự đánh giá
 - 2.4. Phương pháp tự đánh giá
 - 2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá¹

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1:²

3.2.2. Tiêu chí 2

3.2.3. Tiêu chí 3

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng)

2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3. Bảng mã minh chứng³

¹ Tổng hợp kết quả tự đánh giá theo Mẫu 3.1

² Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo Mẫu 3.2

³ Bảng mã minh chứng theo Mẫu 3.3

Mẫu 3.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầu đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt/Không đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm		
1	Tiêu chí 1:.....		
	Tiêu chuẩn 1:.....		
	Tiêu chuẩn 2:.....		
			
			
2	Tiêu chí 2:.....		
	Tiêu chuẩn 1:.....		
	Tiêu chuẩn 2:.....		
			
			
...	<Các Tiêu chí 3, ...N trình bày tương tự như Tiêu chí 1. Tiêu chí 2>		

Mẫu 3.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ <N>

TIÊU CHÍ <N>:... <Nội dung tiêu chí N>...

Đánh giá tổng quát tiêu chí N

Mở đầu (ngắn gọn): <phần này mô tả, phân tích chung về những thông tin, minh chứng của Nhà trường, phản ánh về các tiêu chuẩn trong tiêu chí N>.

* **Những điểm mạnh:** <tóm tắt điểm mạnh dựa trên kết quả tự đánh giá của các tiêu chuẩn trong tiêu chí>

* **Những tồn tại:** <tóm tắt tồn tại dựa trên kết quả tự đánh giá của các tiêu chuẩn trong tiêu chí>.

* **Kế hoạch nâng cao chất lượng:** <tóm tắt các kế hoạch, giải pháp nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại của tiêu chí N>.

Điểm đánh giá tiêu chí N

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí N	...
Tiêu chuẩn 1	...
Tiêu chuẩn 2	...
....	...
Tiêu chuẩn j	...

Tiêu chuẩn 1:...<Nội dung tiêu chuẩn 1, tiêu chí N>...

Mô tả, phân tích, nhận định:

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí N:... điểm

Tiêu chuẩn 2:...<Nội dung tiêu chuẩn 2, tiêu chí N>...

(Trình bày tương tự tiêu chuẩn 1, tiêu chí N)

.....

Tiêu chuẩn j:...<Nội dung tiêu chuẩn j, tiêu chí N>...

(Trình bày tương tự tiêu chuẩn 1, tiêu chí N)

Mẫu 3.3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		
2			1.1.02		
3			...		
4	1	2	1.2.01		
5				(Ví dụ 1.1.02)	
6			1.2.02		
7			1.2.03		
8			...		
9	1	j	1.j.01		
10			1.j.02		
11			...		

(Kéo dài bảng theo mẫu trên lần lượt theo thứ tự tiêu chí, tiêu chuẩn và số lượng minh chứng của đơn vị)

Lưu ý: Tên minh chứng cần nêu rõ: Trích yếu nội dung; Ngày, tháng, năm ban hành; Người có thẩm quyền ký ban hành).

Phụ lục 04

(Ban hành kèm theo Quy định số 63/QĐ-CDGTVTW V ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

(Trang bìa)

(Logo Nhà trường)	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH / NGHỀ....TRÌNH ĐỘ NĂM	
Đà Nẵng, tháng.....năm... ..	

(Phần nội dung chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ....TRÌNH ĐỘ.....**

CÁC TỪ VIẾT TẮT

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ THUỘC TRƯỜNG PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về Nhà trường
2. Thông tin khái quát về Khoa/Đơn vị thuộc trường phụ trách chương trình đào tạo
3. Thông tin về Chương trình đào tạo

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

- 1.1. Căn cứ tự đánh giá
- 1.2. Mục đích tự đánh giá
- 1.3. Yêu cầu tự đánh giá

1.4. Phương pháp tự đánh giá

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá¹

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1:.....²

2.2.2. Tiêu chí 2:.....

2.2.3. Tiêu chí 3:.....

.....

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

3. Bảng mã minh chứng³

¹ Tổng hợp kết quả tự đánh giá theo Mẫu 4.1

² Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo Mẫu 4.2

³ Bảng mã minh chứng theo Mẫu 4.3

Mẫu 4.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/NGHỀ... TRÌNH ĐỘ...

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầu đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt/Không đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm		
1	Tiêu chí 1:.....		
	Tiêu chuẩn 1:.....		
	Tiêu chuẩn 2:.....		
			
2	Tiêu chí 2:.....		
	Tiêu chuẩn 1:.....		
	Tiêu chuẩn 2:.....		
			
...	<Các Tiêu chí 3,...,N trình bày tương tự như Tiêu chí 1, Tiêu chí 2>		

Ug

Mẫu 4.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ <N>

TIÊU CHÍ <N>:... <Nội dung tiêu chí N>...

Đánh giá tổng quát tiêu chí N:

Mở đầu (ngắn gọn): <phần này mô tả, phân tích chung về những thông tin, minh chứng của cơ sở GDNN, phản ánh về các tiêu chuẩn trong tiêu chí N>.

* **Những điểm mạnh:** <tóm tắt điểm mạnh dựa trên kết quả tự đánh giá của các tiêu chuẩn trong tiêu chí>

* **Những tồn tại:** <tóm tắt tồn tại dựa trên kết quả tự đánh giá của các tiêu chuẩn trong tiêu chí>.

* **Kế hoạch nâng cao chất lượng:** <tóm tắt các kế hoạch, giải pháp nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại của tiêu chí N>.

Điểm đánh giá tiêu chí N

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí N	...
Tiêu chuẩn 1	...
Tiêu chuẩn 2	...
....	...
Tiêu chuẩn j	...

Tiêu chuẩn 1:...<Nội dung tiêu chuẩn 1, tiêu chí N>...

Mô tả, phân tích, nhận định:

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí N:... điểm

Tiêu chuẩn 2:...<Nội dung tiêu chuẩn 2, tiêu chí N>...

(Trình bày tương tự tiêu chuẩn 1, tiêu chí N)

.....

Tiêu chuẩn j:...<Nội dung tiêu chuẩn j, tiêu chí N>...

(Trình bày tương tự tiêu chuẩn 1, tiêu chí N)

Mẫu 4.3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		
2			1.1.02		
3			...		
4	1	2	1.2.01		
5				(Ví dụ 1.1.02)	
6			1.2.02		
7			1.2.03		
8			...		
9	1	j	1.j.01		
10			1.j.02		
11			...		

(Kéo dài bảng theo mẫu trên lần lượt theo thứ tự tiêu chí, tiêu chuẩn và số lượng minh chứng của đơn vị)

Lưu ý: Tên minh chứng cần nêu rõ: Trích yếu nội dung; Ngày, tháng, năm ban hành; Người có thẩm quyền ký ban hành).

PHỤ LỤC 05

(Ban hành kèm theo Quy định số 18/2019/QĐ-CDGTVTTW V ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO
THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CDGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 20....

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
NĂM**

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

(Tên, địa chỉ trụ sở, cơ quan chủ quan, loại hình cơ sở GDNN, năm thành lập, thông tin liên hệ của Nhà trường; thông tin liên hệ của Lãnh đạo trường phụ trách công tác kiểm định, ĐBCL:....)

B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

I- TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng

(Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng, thời gian công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng)

2. Kết quả tự đánh giá chất lượng

2.1. Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng:

2.2. Tự đánh giá chất lượng: (Đạt/Không đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN

2.3. Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

II - TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* Số lượng chương trình đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng:

* Số lượng chương trình đào tạo tự đánh giá đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng:

1. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành/nghề... trình độ....

1.1. Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng

(Thời gian thực hiện tự đánh giá chất lượng, thời gian công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng)

1.2. Kết quả tự đánh giá chất lượng

a) Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng:

b) Tự đánh giá chất lượng: (Đạt/Không đạt) tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành/nghềtrình độ

c) Bảng tổng hợp chi tiết điểm tự đánh giá chất lượng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2. Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành/nghề... trình độ....

(Đi lần lượt các nội dung như mục 1 nêu trên)

C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Đề xuất

2. Khuyến nghị

Nơi nhận:

- TCGDNN;
- Sở LĐTBXH Tp Đà Nẵng
- Bộ GTVT;
- Lưu: VT, ĐBCL&KHCN

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)